TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Hòa thượng Thích Hưng Từ (1911 - 1991)

ISSN: 2734-9195 17:57 09/04/2024

Hòa thượng Thích Hưng Từ, thế danh Bùi Vạn Anh, sinh ngày mùng 1 tháng 8 năm Tân Hợi (1911) tại làng Bình Hòa, xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Hòa thượng Thích Hưng Từ (1911 - 1991)

> Hòa thượng Thích Hưng Từ, thế danh Bùi Vạn Anh, sinh ngày mùng 1 tháng 8 năm Tân Hợi (1911) tại làng Bình Hòa, xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Ngài sinh trong một gia đình có truyền thống đạo Phật. Thân phụ là cụ Bùi Thế Vĩ, pháp danh Như Chơn, thân mẫu là cụ bà Võ Thị Biểu, pháp danh Thị Bửu. Từ nhỏ Ngài được song thân giáo dục trong tinh thần từ bi và chan chứa đức hỷ xả của Phật, nên Ngài sớm mộ cửa Thiền.

Hòa thượng Thích Hưng Từ (1911 - 1991)

Duyên lành đã đến, ngày mùng 8 tháng 2 năm Mậu Ngọ (1918), khi vừa 8 tuổi, Ngài được song thân cho phép xuất gia đầu sư với Hòa thượng Thích Hòa Phước trụ trì chùa Thiên Long, được Bổn sư ban cho pháp danh Thị Lạc, thuộc đời 42 dòng Lâm Tế Chánh Tông, chi phái Nguyên Thiều.

Nhờ túc duyên, Ngài rất thông minh đĩnh đạc, dù còn nhỏ, từ hai thời công phu, bốn quyển luật Tỳ Ni cho đến các bộ kinh Địa Tạng, Thủy Sám, Ngài đều thuộc lòng. Ngoài sự dạy dỗ của Bổn sư, Ngài còn được tham học giáo điển với các vị cao Tăng, như Hòa thượng Từ Pháp chùa Thiên Tôn.

Năm 1931 (20 tuổi), Ngài thọ Tam đàn Cụ túc tại Đại giới đàn chùa Linh Sơn, do Đại lão Hòa thượng Thích Hoằng Hóa làm đàn đầu thí giới, và được phú pháp hiệu Hưng Từ. Sau khi thụ giới Cụ Túc xong, Ngài tiếp tục học khoa Du già Mật tông với Hòa thượng Linh Quang và được Hòa thượng truyền trao pháp ấn.

Năm 23 tuổi (1934), Ngài được chư Tôn túc trong hội Địa Tạng Phổ lúc bấy giờ, giới thiệu và gởi học Tam Tạng giáo điển tại Phật học đường Tây Thiên Huế ba năm (1934 - 1937). Nhờ tâm cầu học vững bền, chẳng những Ngài uyên thâm

kinh điển mà còn thấu triệt lẽ tánh diệu dụng của khoa Du già Chẩn tế.

Sau khi tham học với các bậc cao Tăng ở Huế và Phú Yên xong, nhằm lúc phong trào chấn hưng Phật giáo đang dấy lên mạnh mẽ trên khắp ba miền đất nước, Ngài nhận thấy đây là một cơ duyên thuận lợi để phục hưng chánh pháp.

Năm 1937, Ngài vận động Tăng tín đồ mở các Tăng học đường tại các chùa Cổ Lâm, Liên Trì (Tuy An), Thiên Từ (Ninh Hòa) để đào tạo Tăng tài. Đặc biệt tại chùa Cổ Lâm có nhiều vị đến nghe giảng kinh Pháp Hoa như: Hòa thượng Quảng Đức, Ngài Vĩnh Thọ, Nhơn Thị, Nhơn Duệ... do Ngài làm chủ giảng.

Năm 1939, vì ảnh hưởng chiến tranh nên các Tăng học đường này tạm thời đóng cửa, nhưng Ngài luôn tìm mọi cách tổ chức các lớp tu học, giảng kinh luật dưới hình thức an cư kiết hạ, mở Đại giới đàn ở các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Bình Tuy để đào tạo các bậc cao Tăng hữu ích cho đạo sau này như các Hòa thượng Ấn Tâm, Viên Quang, Đồng Huy... và giảng dạy khoa Du già Chẩn tế cho chư Tăng ở các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận...

Ngoài việc giảng dạy, đào tạo Tăng Ni, Ngài còn đem hết sức mình khai sơn và trùng tu rất nhiều ngôi chùa để có nơi tu học cho Tăng Ni và sớm hôm lễ bái của Phật tử gần xa như: chùa Thiên Long ở Phú Yên (1938); Tổ đình Minh Sơn (1957); Linh Đài và Thiên Tứ ở Ninh Hòa (1959). Đồng thời khai sơn Linh Sơn Tự ở Lạc Tánh, ở Tánh Linh (1961) và chùa Pháp Hội ở Hàm Tân - Bình Thuận (1967).

Trong suốt cuộc đời tu học và hành đạo, Hòa thượng Thích Hưng Từ không từ nan bất cứ một nhiệm vụ nào khi được chư Tăng và Giáo hội giao phó cũng như Phật tử cần đến. Đối với dân tộc, Ngài luôn đem hết sức mình góp phần vào công cuộc bảo vệ quê hương.

Năm 1945, trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Ngài được Tăng tín đồ đề cử làm Chủ tịch Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Phú Yên.

Năm 1955, Ngài đảm nhận Trị sự trưởng Giáo hội Tăng già tỉnh Khánh Hòa liên tiếp hai nhiệm kỳ.

Năm 1963-1964, Ngài lãnh đạo phong trào đấu tranh bảo vệ Phật giáo và dân tộc tỉnh Bình Tuy (Hàm Tân).

Năm 1964-1978, Ngài được Hội đồng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất suy tôn vào Hội đồng Trưởng lão Viện Tăng Thống.

Từ năm 1982 cho đến ngày viên tịch, Ngài được suy tôn Cố vấn Chứng minh kiêm Ủy viên Tăng sự Ban Trị Sự Tỉnh Hội Phật Giáo Thuận Hải (cũ) và Bình Thuận sau này. Ngài đã dịch bộ kinh Thập Lục Quán, và trước tác quyển lịch sử Tổ Hữu Đức (Tổ Linh Sơn Trường Thọ núi Tà Cú) và chư hậu Tổ.

Cuộc đời tu hành và hóa đạo của Ngài là tấm gương hy sinh tận tụy, không từ nan bất cứ một việc gì dù nhỏ, đem hết sức mình để giáo dục, đào tạo Tăng Ni tiếp dẫn hậu lai hoằng truyền chánh pháp.

Dù tuổi già sức yếu, nhưng Ngài vẫn tinh tấn tu hành không một phút giây trễ nải, và phục vụ chúng sinh đến giây phút cuối cùng. Ngày mùng 2 tháng 8 năm Tân Mùi (1991), Hòa thượng an nhiên thị tịch, hưởng thọ 80 tuổi, với 60 pháp lạp. Bảo tháp của Ngài tọa lạc trong khuôn viên chùa Pháp Hội, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Trích: **Tiểu sử Danh tăng Việt Nam thế kỷ XX – Tập 1** (Phật giáo giai đoạn thống nhất Phật giáo lần thứ 2)

Chủ biên: **TT.Thích Đồng Bổn**